

Chính sách về cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ với nhiều điểm đổi mới mang tính đột phá đã tạo điều kiện để rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng công tác cổ phần hóa; đồng thời góp phần hoàn thiện và phát triển các yếu tố thị trường đặc biệt là thị trường chứng khoán, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa ổn định và phát triển trong xu thế hội nhập với kinh tế khu vực và kinh tế thế giới. Tính đến nay, đã có trên 1.200 doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp được triển khai cổ phần hóa theo cơ chế quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP với số vốn nhà nước cổ phần hóa chiếm tới 66% tổng vốn nhà nước đã cổ phần hóa từ trước tới nay. Tuy nhiên qua hơn 02 năm thực hiện vẫn còn bộc lộ một số điểm cần phải tiếp tục phải bổ sung hoàn chỉnh cho phù hợp với tình hình mới. Bộ Tài chính đã tiến hành nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định mới thay thế Nghị định số 187/2004/NĐ-CP trình Chính phủ cuối năm 2006 và hiện nay đang được các cơ quan chức năng xem xét, hoàn thiện lần cuối để ban hành.

Trong quá trình hoàn chỉnh lần cuối đã nẩy sinh một số quan điểm, ý tưởng mới cần được xem xét như:

Một là, quan điểm về việc cho phép công đoàn tham gia góp vốn vào doanh nghiệp cổ phần hóa. Các tổ chức công đoàn là tổ chức chính trị xã hội không có chức năng kinh doanh, vì vậy việc các tổ chức công đoàn tham gia góp vốn vào quá trình cổ phần hóa là chưa thực sự phù hợp. Mặt khác, vốn hoạt động của tổ chức công đoàn chủ yếu là thu phí đoàn viên công đoàn, phần thu phí này không lớn, vì vậy hàng năm Ngân sách nhà nước đều phải có hỗ trợ nhất định (binh quân 50 tỷ đồng/năm). Do đó, nguồn kinh phí công đoàn thu được hàng năm theo quy định nên sử dụng cho hoạt động của tổ chức công đoàn, không nên sử dụng để góp vốn mua cổ phần, thiếu lại để nghị Ngân sách nhà nước hỗ trợ. Đối với tổ chức công

Một số vấn đề về cổ phần hóa

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Nguyễn Duy Long

Cục Tài chính doanh nghiệp

đoàn tại doanh nghiệp được tham gia cùng với lãnh đạo doanh nghiệp quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tuy nhiên, về bản chất Quỹ khen thưởng, phúc lợi thuộc về người lao động. Mặt khác, theo báo cáo tài chính của các doanh nghiệp thì số dư các Quỹ này không lớn và hàng năm đều sử dụng để chia thưởng, phúc lợi cho người lao động.

Do đó, việc cho phép tổ chức công đoàn tham gia cổ phần hóa chỉ mang tính chất thí điểm theo hướng sau: Cho phép tổ chức công đoàn doanh nghiệp thống nhất với người lao động chia Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động hoặc sử dụng nguồn này để mua cổ phần theo giá đấu binh quân, mức mua tối đa bằng với số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại thời điểm cổ phần hóa.

Hai là, về chính sách ưu đãi cho người lao động mua cổ phần. Nghị định 187/2004/NĐ-CP hiện đang quy định người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa là 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước. Quy định này mang tính chất kế thừa Nghị định 64/2002/NĐ-CP trước đây (Nghị định 64/2002/NĐ-CP quy định mua 10 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/1 cổ phần; Nghị định 187/2004/NĐ-CP quy định 100 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng - mức là tương đương). Quy định này đã thực hiện nhiều năm nay và không có ý kiến thắc mắc từ phía người lao động trong doanh nghiệp. Tuy

nhiên, đã có ý kiến đề nghị xem xét nâng mức cổ phần bán cho người lao động vì ở một số doanh nghiệp quy mô lớn bình quân một người lao động có thời gian làm việc từ 20 đến 25 năm thì chỉ được mua với mức 20 - 25 triệu đồng (theo mệnh giá).

Việc bán thêm cổ phần ưu đãi cho người lao động sẽ tạo ra sự không công bằng giữa các giai đoạn cổ phần hóa, dễ gây ra thắc mắc đối với người lao động làm tại các doanh nghiệp cổ phần hóa trước đây. Mặt khác, việc tăng mức cổ phần bán cho người lao động theo giá ưu đãi sẽ làm giảm thu tiền bán cổ phần của Nhà nước.

Trong số những doanh nghiệp cổ phần hóa hiện nay có những doanh nghiệp lớn như các tổng công ty, các ngân hàng thương mại, số lượng bán cổ phần cho người lao động chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trên vốn điều lệ (như Tổng công ty Vinaconex tỷ lệ cổ phần bán ưu đãi cho người lao động chỉ chiếm 0,67% trên 1.500 tỷ đồng vốn điều lệ; Công ty Thuỷ điện Thác Mơ là 0,26% trên 700 tỷ đồng vốn điều lệ....). Việc tăng thêm số lượng cổ phần bán ưu đãi cho người lao động cũng sẽ ảnh hưởng nhiều đến cơ cấu cổ đông. Tuy nhiên, đối với những doanh nghiệp nhỏ, việc tăng số lượng cổ phần bán cho người lao động sẽ làm giảm tỷ lệ cổ phần bán ra công chúng. Điều này sẽ tạo ra việc cổ phần trong nội bộ doanh nghiệp.

Ba là, cần có chính sách khuyến khích người lao động giữ cổ phần để

đảm bảo gắn kết lợi ích giữ doanh nghiệp và người lao động. Quy định hiện hành tại Nghị định 187/2004/NĐ-CP cũng như dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 187/2004/NĐ-CP đều quy định: đối với cổ phần ưu đãi, người lao động có thể tự do chuyển nhượng (không khống chế thời gian phải nắm giữ cổ phần). Điều này phù hợp với quy định của Hiến pháp, Bộ luật Dân sự về đảm bảo quyền sở hữu, chiếm đoạt tài sản của công dân.

Tuy nhiên, để thực hiện mục tiêu khuyến khích người lao động giữ cổ phần để đảm bảo gắn kết lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động, cần bổ sung quy định nhằm hạn chế việc chuyển nhượng số cổ phần người lao động được Nhà nước bán cổ phần theo giá ưu đãi (giảm 40% so với giá đấu thành công bình quân) theo hướng: nếu chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu phải thanh toán cho Nhà nước toàn bộ số tiền tương ứng với giá trị được ưu đãi của số cổ phần chuyển nhượng (= số CP chuyển nhượng x giá đấu thành công bình quân làm cơ sở để xác định giá cổ phần được mua ưu đãi x 40%); nếu chuyển nhượng trong vòng trên 1 năm đến dưới 2 năm thì phải thanh toán cho Nhà nước số tiền tương ứng với 50% giá trị được ưu đãi của số cổ phần chuyển nhượng; chuyển nhượng trong vòng từ 2 năm đến 3 năm phải thanh toán cho Nhà nước số tiền tương ứng với 25% giá trị được ưu đãi của số cổ phần chuyển nhượng; sau 3 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu người lao động mới chuyển nhượng thì Nhà nước không thu hồi nữa.

Bốn là, quan điểm phải tính giá trị đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá.

Việc tính giá trị đất vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hoá đã được thể chế hoá trong các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực

hiện cổ phần hoá qua các thời kỳ, nếu doanh nghiệp lựa chọn hình thức thuê đất thì không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp, còn nếu lựa chọn giao đất thì phải tính vào giá trị doanh nghiệp, quyền lựa chọn tiếp tục thuê hay nhận giao là quyền của doanh nghiệp đã được quy định trong Luật đất đai.

Vấn đề chính ở đây là giá thuê đất do các địa phương quy định còn thấp và chưa thực sự sát với giá thị trường và quyền của doanh nghiệp được tiếp tục kế thừa các hợp đồng

ty sau khi cổ phần hoá toàn bộ.

Việc SCIC tham gia vào quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp thuộc diện chuyển giao theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho SCIC nắm bắt ngay từ đầu tình hình doanh nghiệp và thực hiện tiếp nhận ngay sau khi cổ phần hoá.

Việc chuyển đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các tổng công ty thực hiện cổ phần hoá về SCIC trong thời gian tới nhằm mục tiêu tách chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước từ cơ quan quản lý nhà nước sang cơ quan kinh doanh để thực hiện tốt hơn việc quản lý và kinh doanh vốn nhà nước; tạo điều kiện cho SCIC tham gia điều hành hoạt động kinh doanh tại các tổng công ty thông qua quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước để tương xứng với vai trò của SCIC; nâng cao năng lực quản trị công ty, tránh xung đột lợi ích doanh nghiệp và chủ sở hữu là các Bộ, ngành, địa phương... là phù hợp theo tinh thần Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Tuy nhiên, để thực hiện được thì trong thời gian tới cần thiết phải sửa quy định tại Luật Doanh nghiệp nhà nước và Luật Đầu tư. Đồng thời sửa đổi Quyết định 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ

tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước. Ngoài ra, do SCIC mới đi vào hoạt động, nên việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ cần xét đến khả năng thực hiện. Trước mắt, Chính phủ thực hiện thí điểm giao cho SCIC tham gia quá trình cổ phần hoá một số Tổng công ty nhà nước cổ phần hoá và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước để đánh giá khả năng, rút kinh nghiệm nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách cho phù hợp, sau đó mới triển khai đại trà.

Sáu là, quan điểm về quản lý tiền thu từ cổ phần hoá nên tập trung và chuyển về cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

Trong giai đoạn vừa qua, nguồn thu từ cổ phần hoá trong cả nước thu được khoảng 15 nghìn tỷ đồng, tuy nhiên việc quản lý sử dụng nguồn tiền này còn mang tính chất phân tán, không tập trung. Trước đây, theo quy định tại Nghị định 64/2002/NĐ-CP (kể cả thời kỳ thực hiện theo Nghị định 44/1998/NĐ-CP), tiền thu từ cổ phần hoá một phần do Trung ương quản lý (through qua Quỹ Sắp xếp và cổ phần hoá tại Bộ Tài chính), một phần do các địa phương quản lý (through qua các Quỹ Sắp xếp và cổ phần hoá tại các tỉnh, thành phố) và một phần do các tổng công ty nhà nước quản lý. Do vậy, Nhà nước không tập trung được tiền bán cổ phần để đầu tư cho công ty mà Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn nhưng thiếu vốn hoặc đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế.

Việc đầu tư xây dựng hạ tầng, tạo điều kiện thu hút đầu tư mọi thành phần để phát triển kinh tế ở các vùng lanh thổ, chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách nhà nước trên cơ sở dự toán các khoản thu ngân sách của từng địa phương nên đã dẫn tới sự phát triển không đồng đều (chỉ tập trung ở những vùng có số thu lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, tỉnh Hải Dương...) còn những vùng có số thu thấp (thuộc vùng sâu, vùng xa) tốc độ phát triển kinh tế còn chậm. Mặt khác, do ngân sách còn nhiều khó khăn, việc bố trí vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cũng còn hạn chế, thực trạng cơ sở hạ tầng của nước ta còn nhiều bất cập (giao thông chưa phát triển, sân bay, bến cảng hầu hết đầu thi đấu năng lực) chất lượng không cao. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ phát triển kinh tế của đất nước trong thời gian qua. Để khắc phục bất cập trên, việc xác định ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế (đặc biệt cho các vùng sâu, vùng xa) là một nhiệm vụ cấp bách mà Nhà nước cần tập trung trong thời gian tới. Vì vậy, việc huy động các nguồn vốn trong xã hội, bao gồm cả việc huy động các khoản tiền thu từ cổ phần hoá để đáp ứng nhu cầu về vốn cho hoạt động đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội của đất nước trong thời gian tới là cần thiết (tương tự ở các nước như Singapore, Trung Quốc đã thực hiện các biện pháp này).

Theo dự kiến, từ nay đến năm 2010, cả nước sẽ thực hiện cổ phần hoá và đa dạng hoá gần 1.000 doanh nghiệp độc lập và 71 tập đoàn, tổng công ty, công ty mẹ với nguồn thu hàng trăm ngàn tỷ đồng. Đây sẽ là nguồn vốn quan trọng để thực hiện phát triển hạ tầng kinh tế cũng như xây dựng và hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh để phát triển kinh tế trong nước trong điều kiện hội nhập. Việc chuyển giao toàn bộ số tiền này cho SCIC cần được cân nhắc và xem xét kỹ lưỡng thêm vì ngoài mục tiêu đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế còn được dùng để hỗ trợ các doanh nghiệp sắp xếp dưới các hình thức khác như (nông lâm trường quốc doanh, giao, bán...) giải quyết lao động dôi dư, xử lý tồn tại về tài chính không thuộc chức năng, nhiệm vụ của SCIC..■